| TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2<br>THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 04 tháng 8 năm 2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TP. ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Diện**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Đời** và ông **Nguyễn Kim Thành**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thái Phương Dung -** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Đào Đức Hữu -** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/HSST-QĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Đình Đ (Cà lắc) -** Sinh ngày 19 tháng 8 năm 1988 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: K95H12/2 L, tổ 88, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là K95H12/2 L, tổ 88, phường S, thành phố Đà Nẵng). Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T (sinh năm 1954) và bà Quách Thị E (sinh năm 1965); có vợ là Phan Thị Thanh T (sinh năm 1988) hai con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Đà Nẵng từ ngày 17.11.2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đình Đ là bà Phan Thị Thanh T (vợ), sinh năm 1988. Địa chỉ: K95H12/2 L, tổ 88, phường S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Đ là ông Lê Ngọc Đoàn - Luật sư Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 06 Hà Đông 1, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

**2. Nguyễn Văn S** - Sinh ngày 05 tháng 7 năm 1992 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Phòng 304 Chung cư F2, tổ 07, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng 304 Chung cư F2, tổ 07, phường S, thành phố Đà Nẵng). Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1974).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2022, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng (Quyết định số: 12/2022/QĐ-TA ngày 03.6.2022).

Nhân thân:

- Năm 2013, bị Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi xâm phạm tài sản công dân trong thời gian 24 tháng;

- Năm 2015, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 12 tháng;

- Năm 2017, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 18 tháng;

- Năm 2019, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 21 tháng;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Đà Nẵng từ ngày 17.11.2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Lê Trần Kha V**, sinh năm 1997. Địa chỉ: K106/H05/25 N, phường H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 37, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Huỳnh Tấn M**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ 89, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông **Đặng Văn C**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 7, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 9, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

*Người chứng kiến:*

- Ông **Trần Thành T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 29, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông **Trần Hảo N**, sinh năm 2005. Địa chỉ: Tổ 40, phường S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

## NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 17.11.2024, tại đường Nguyễn Phan Vinh, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Đồn Biên phòng Sơn Trà phát hiện Nguyễn Văn S có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và phát hiện bên tay trái của Nguyễn Văn S đang cầm 01 gói ni lông màu trắng. Nguyễn Văn S khai nhận là ma túy đá mới mua của đối tượng tên "Cà lắc" tại K95 đường L, thành phố Đà Nẵng với giá 300.000 đồng đem về để sử dụng thì bị phát hiện.

Tang vật, tài sản tạm giữ của Nguyễn Văn S gồm:

- 01 gói ni lông màu trắng kích thước khoảng 01 x 02cm, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (được niêm phong kí hiệu S1);

- 01 Điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, Imei 1: 863980045405031, Imei 2: 863980045405023, gắn sim số: 0932440611;

- Số tiền 543.000 đồng (tiền Việt Nam);

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WaveS, màu đen xám, BKS: 43P1-5403, số khung: 656319, số máy: 0702121.

Vào lúc 11 giờ 10 phút ngày 17.11.2024, tại khu vực trước nhà số 264 đường Ngô Quyền, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Đồn Biên phòng Sơn Trà phát hiện Lê Trần Kha V có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và phát hiện trong túi quần trước bên trái mà V đang mặc có 01 gói ni lông màu trắng, kích thước khoảng 01 x 02cm, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng. Lê Trần Kha V khai nhận là ma túy đá mới mua của đối tượng tên Đ tại K95 đường L, thành phố Đà Nẵng với giá 300.000 đồng

đem về sử dụng thì bị phát hiện.

Tang vật, tài sản tạm giữ của Lê Trần Kha V gồm:

- 01 gói ni lông màu trắng kích thước khoảng 01 x 02cm, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (được niêm phong kí hiệu V1);

- 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, số Imei: 352766244717708, gắn sim số: 0795.628.618;

- 01 Điện thoại di dộng hiệu Iphone màu đen, gắn sim số: 0779.505.772;

- Số tiền 60.000 đồng (tiền Việt Nam);

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 43C1-601.98, số khung: RLHKF 1413DY0063357, số máy: KF14E-0053397.

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Văn S và Lê Trần Kha V, Đồn Biên phòng Sơn Trà đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đình Đ tại K95 đường L, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Tang vật, tài sản tạm giữ tại nơi ở của Nguyễn Đình Đ gồm:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa, 01 chai nhựa; 02 ống thủy tinh có chiều dài khoảng 10 cm;

- 89 bao ni lông màu trắng kích thước khoảng 06 x 9,5cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ;

- 01 Điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, Imei1: 867977050579094, Imeil2: 867977050579086, gắn sim 1: 0796.729.745, sim 2: 0899.855.406.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể cho thấy Nguyễn Văn Sơn, Lê Trần Kha V và Nguyễn Đình Đ đều dương tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 948/KL-KTHS ngày 21.11.2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: Chất tinh thể rắn màu trắng trong các mẫu niêm phong kí hiệu S1 và V1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu S1 là 0,186 gam; khối lượng mẫu V1 là 0,050 gam.

Tại Kết luận giám định số: 24/KL-KTHS ngày 27.12.2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận: 01 con dao tự tạo dài 44,9cm, gồm lưỡi và tay cầm (Phần lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn, dài 30,3cm, nơi rộng nhất 3cm; Phần tay cầm bằng kim loại, ốp gỗ, dài 14,6cm ) là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ.

Qua điều tra xác định:

Do muốn có ma túy để sử dụng và có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11 năm 2024 đến ngày 17.11.2024, Nguyễn Đình Đ đã nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác, trong đó xác định được 05 lần, cụ thể

như sau:

Lần 01: Khoảng 01 tuần trước ngày bị bắt (17.11.2024), Nguyễn Văn S sử dụng điện thoại di động hiệu OPPO, số 0932.440.611 gọi đến số điện thoại 0899.855.406 của Nguyễn Đình Đ để hỏi mua 400.000 đồng ma túy đá. Đông đồng ý và hẹn S đến nhà Đ để lấy. Khi S đến, Đ đưa cho Sơn 01 gói ni lông bên trong có ma túy đá, S trả cho Đ 400.000 đồng tiền mặt, sau đó Sơn đến khu vực bờ sông thuộc địa phận phường Nại Hiên Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng sử dụng một mình hết số ma túy đã mua.

Lần 02: Sau lần 01 khoảng 02 đến 03 ngày, với cách thức tương tự như lần thứ nhất, Nguyễn Văn S gọi điện cho Nguyễn Đình Đ hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá. Đ đồng ý và hẹn S đến nhà Đ để lấy. Khi S đến, Đ đưa cho S 01 gói ni lông bên trong có ma túy đá, S trả cho Đ 200.000 đồng tiền mặt, sau đó S đến khu vực bờ sông thuộc địa phận phường N, quận S. thành phố Đà Nẵng sử dụng một mình hết số ma túy trên.

Lần 03: Tối ngày 16.11.2024, Lê Trần Kha V sử dụng điện thoại di động hiệu Masstel, số 0795.628.618 gọi đến số điện thoại 0899.855.406 của Nguyễn Đình Đ hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá. Đ đồng ý và hẹn V đến nhà Đông để lấy. Khi V đến, Đông đưa cho V 01 gói ni lông bên trong có ma túy đá, V chuyển khoản cho Đ số tiền 200.000 đồng, nợ 100.000 đồng. Sau đó V đến nhà nghỉ (không nhớ rõ địa chỉ) sử dụng một mình hết số ma túy trên.

Lần 04: Khoảng 08 giờ ngày 17.11.2024, Nguyễn Văn S gọi điện cho Nguyễn Đình Đ để hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá. Đ đồng ý và hẹn S đến nhà Đ để lấy. Khi S đến, Đ đưa cho Sơn 01 gói ni lông bên trong có ma túy đá, S trả cho Đ 300.000 đồng tiền mặt, sau đó Sơn đi tìm chỗ sử dụng thì bị bắt quả tang như đã nêu.

Lần 05: Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 17.11.2024, Lê Trần Kha V gọi điện cho Nguyễn Đình Đ hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá. Đ đồng ý và hẹn V đến nhà Đ để lấy. Khi V đến, Đ đưa cho V 01 gói ni lông bên trong có ma túy đá. Do không có tiền nên V nợ số tiền mua ma túy lần này. Sau đó V ra về, trên đường đi thì bị bắt quả tang như đã nêu.

Về nguồn gốc ma túy bán cho Nguyễn Văn S và Lê Trần Kha V, Nguyễn Đình Đ khai do Nguyễn Tấn P (sinh năm: 1991, trú: Tổ 03, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng) đưa cho Đ để bán giúp cho P mỗi lần bán thành công P cho Đ từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Tấn P không thừa nhận lời khai của Nguyễn Đình Đ.

Tại Bản kết luận điều tra số: 26/ĐTTH ngày 24.02.2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà đề nghị truy tố Nguyễn Đình Đ về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn S về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ

luật Hình sự. Đối với Lê Trần Kha V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng nhưng khối lượng chưa đủ truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến ma túy nên Công an quận Sơn Trà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Bản cáo trạng số: 34/CT-VKS-ST ngày 09.4.2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà truy tố Nguyễn Đình Đ về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Văn S về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Nguyễn Đình Đ khai nhận trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy đã thu lợi bất chính số tiền tổng cộng là 500.000 đồng. Bị cáo là người khuyết tật và xin được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trần Kha V xin được nhận lại các tài sản bị tạm giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và người chứng kiến vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình Đ như Cáo trạng số: 30/CT-VKS-ST ngày 09.4.2025. Đối với bị cáo Nguyễn Văn S, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xin rút quyết định truy tố từ điểm b khoản 2 xuống điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm p, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 02 năm 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu S1 và 01 bì niêm phong ký hiệu V1 (chứa mẫu hoàn trả sau giám định); 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa, 01 chai nhựa; 02 ống thủy tinh có chiều dài khoảng 10 cm; 89 bao ni lông màu trắng kích thước khoảng 06 x 9,5cm; 01 dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, Imei 1: 863980045405031, Imei 2: 863980045405023, gắn sim số: 0932440611 (thu giữ của

Nguyễn Văn Sơn); 01 Điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, Imei1: 867977050579094, Imeil2: 867977050579086, gắn sim 1: 0796.729.745, sim 2: 0899.855.406 (thu giữ của Nguyễn Đình Đ); 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, số Imei: 352766244717708, gắn sim số: 0795.628.618 (thu giữ của Lê Trần Kha V);

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu WaveS, màu đen xám, BKS: 43P1-5403, số khung: 656319, số máy: 0702121;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S 543.000 đồng nhưng tiếp tục quy trữ số tiền này để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án;

- Trả lại cho Lê Trần Kha V: 01 Điện thoại di dộng hiệu Iphone màu đen, gắn sim số: 0779.505.772; số tiền 60.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 43C1-601.98, số khung: RLHKF 1413DY0063357, số máy: KF14E-0053397.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình Đ nộp lại số tiền dùng vào việc phạm tội là 1.100.000 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Đ là Luật sư Lê Ngọc Đoàn thống nhất với tội danh, điều luật cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đình Đ. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đình Đ là có phần nghiêm khắc. Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đình Đ đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc xử lý hành vi của Nguyễn Tấn P. Vì vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm p, r, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Đình Đ được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất giúp bị cáo cải tạo, sớm trở lại cộng đồng.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng; người

tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến xin rút quyết định truy tố từ điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự xuống điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S. Xét ý kiến của Kiểm sát viên về nội dung này phù hợp với quy định tại các Điều 306, 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Tấn P, Nguyễn Huỳnh Tấn M, Đặng Văn C và Đặng Văn T vắng mặt. Xét việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về hành vi phạm tội:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn Đình Đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn S và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trần Kha V; phù hợp với kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11 năm 2024 đến ngày 17.11.2022, tại nhà số K95/H12/02 L, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng). Nguyễn Đình Đ đã 05 lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn S và Lê Trần Kha V. Trong đó, vào ngày 17.11.2024 bán cho Nguyễn Văn S 0,186 gam ma túy loại Methamphetamine và bán cho Lê Trần Kha V 0,050 gam ma túy loại Methamphetamine, thu lời bất chính số tiền 500.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đình Đ đã phạm vào tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 09.4.2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn S:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Đình Đ; phù hợp với kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Để có mua túy sử dụng, Nguyễn Văn S đã nhiều lần liên hệ mua ma túy của Nguyễn Đình Đ và đã sử dụng hết, không thu giữ được tang vật. Ngày 17.11.2024,

Nguyễn Văn S tiếp tục mua 0,186 gam ma túy loại Methamphetamine của Nguyễn Đình Đ mang theo người chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện. Tại Cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 09.4.2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà truy tố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S chỉ phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, việc Kiểm sát viên rút và truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Về tính chất hậu quả của hành vi phạm tội: Các bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Khung hình phạt mà mỗi bị cáo bị truy tố, xét xử có mức án từ 01 năm đến 05 năm và từ 07 đến 15 năm tù nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình Đ có nhân thân tốt thể hiện ở việc chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn S có nhân thân xấu, từng bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi xâm phạm tài sản công dân và nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do sử dụng trái phép chất ma túy.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Nguyễn Đình Đ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tự giác khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà mình đã thực hiện trước đó; bản thân bị cáo là người khuyết tật nặng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Đối với ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Đ, đề nghị áp dụng thêm tình tiết người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm thuộc điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ việc phát hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn Sơn và Lê Trần Kha V mà phát hiện được hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Đình Đ. Việc bị cáo Nguyễn Đình Đ khai nguồn gốc số ma túy đã bán là của Nguyễn Tấn P là thể hiện thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo và chưa có đủ cơ sở để xử lý hành vi của Nguyễn Tấn P liên quan đến vụ án này. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của Người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên cho bị cáo Nguyễn Đình Đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

[9] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo nói riêng đồng thời cũng để răn đe, phòng chống tội phạm nói chung.

Đối với ý kiến của Người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có đủ điều kiện để có thể xem xét theo quy định. Tuy nhiên, trước thực trạng hiện nay của tội phạm về ma túy và các tội phạm liên quan đến ma túy. Xét tính chất hậu quả và hệ lụy của loại tội phạm này gây ra cho xã hội. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Người bào chữa về vấn đề này.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và 251 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc nhất định từ một đến năm năm, phạt quản chế, cấm cư trú từ một đến năm năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Xét thấy, bị cáo Nguyễn Đình Đ là người khuyết tật, hàng tháng được hưởng trợ cấp theo chính sách của Nhà nước; bị cáo Nguyễn Văn S không có công việc, thu nhập, không xác định được có tài sản gì. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 bì niêm phong ký hiệu S1 và 01 bì niêm phong ký hiệu V1 (chứa mẫu hoàn trả sau giám định); 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa, 01 chai nhựa; 02 ống thủy tinh có chiều dài khoảng 10 cm; 89 bao ni lông màu trắng kích thước khoảng 06 x 9,5cm; 01 dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ. Đây là vật cấm tàng trữ lưu hành và vật liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 Điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, Imei1: 867977050579094, Imeil2: 867977050579086, gắn sim 1: 0796.729.745, sim 2: 0899.855.406 (thu giữ của Nguyễn Đình Đ); 01 Điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, Imei 1: 863980045405031, Imei 2: 863980045405023, gắn sim số: 0932440611 (thu giữ của Nguyễn Văn S) và 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, số Imei: 352766244717708, gắn sim số: 0795.628.618 (thu giữ của Lê Trần Kha V). Đây là các tài sản dùng vào việc phạm tội và liên quan đến tội phạm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu WaveS, màu đen xám, BKS: 43P1-5403, số khung: 656319, số máy: 0702121. Chiếc xe này thuộc sở hữu của ông Đặng Văn Tây đã tặng cho ông Đặng Văn C. Ông Đặng Văn C cho Nguyễn Văn S mượn nhưng không biết Nguyễn Văn S dùng chiếc xe này đi mua ma túy nên trả lại chiếc này cho ông Đặng Văn C.

- Đối với số tiền 543.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn S. Tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ số tiền này để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

- Đối với 01 Điện thoại di dộng hiệu Iphone màu đen, gắn sim số: 0779.505.772; số tiền 60.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 43C1-601.98, số khung: RLHKF 1413DY0063357, số máy: KF14E-0053397 (thu giữ của Lê Trần Kha V). Các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Lê Trần Kha V.

[12] Về biện pháp tư pháp: Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, Nguyễn Đình Đ đã nhận được của Nguyễn Văn S và Lê Trần Kha V số tiền tổng cộng là 1.100.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Đình Đ còn xác nhận thu lời bất chính được số tiền 500.000 đồng. Đây là tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đình Đ nộp lại các khoản tiền này (1.600.000 đồng) để sung quỹ Nhà nước.

[13] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đình Đ là người khuyết tật và xin được miễn nộp tiền án phí hình sự. Căn

cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đình Đ.

[14] Ngoài ra:

- Bị cáo Nguyễn Đình Đ có hành vi tàng trữ 01 dao tự chế có tính năng tương tự vũ khí thô sơ và sử dụng trái phép chất ma túy nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà và Công an quận Sơn Trà đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

- Lê Trần Kha V có hành vi tàng trữ 0,050 gam ma túy loại Methamphetamine không đủ yêu tố cấu thành tội phạm và chưa có tiền án, tiền sự về các tội liên quan đến ma túy nên Công an quận Sơn Trà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

- Bị cáo Nguyễn Đình Đ khai nguồn gốc ma túy đã bán cho Nguyễn Văn S và Lê Trần Kha V là của Nguyễn Tấn P nhờ bán giúp nhưng Nguyễn Tấn P không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo Nguyễn Đình Đ thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xem xét đánh giá nên chưa đủ cơ sở để xử lý hành vi của Nguyễn Tấn P. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, khi đủ căn cứ thì xử lý hành vi của Nguyễn Tấn P theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Đ phạm tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

**2**. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm p, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ 07 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 17.11.2024).

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17.11.2024).

**3**. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Tấn P để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

**4**. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 bì niêm phong ký hiệu S1 và 01 bì niêm phong ký hiệu V1 (chứa mẫu hoàn trả sau giám định); 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa, 01 chai nhựa; 02 ống thủy tinh có chiều dài khoảng 10 cm; 89 bao ni lông màu trắng kích thước khoảng 06 x 9,5cm; 01 dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 Điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, Imei1: 867977050579094, Imeil2: 867977050579086, gắn sim 1: 0796.729.745, sim 2: 0899.855.406 (thu giữ của Nguyễn Đình Đ); 01 Điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, Imei 1: 863980045405031, Imei 2: 863980045405023, gắn sim số: 0932440611 (thu giữ của Nguyễn Văn S) và 01 Điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, số Imei: 352766244717708, gắn sim số: 0795.628.618 (thu giữ của Lê Trần Kha V).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S số tiền 543.000 đồng nhưng tiếp tục quy trữ số tiền này để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

- Trả lại ông Đặng Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu WaveS, màu đen xám, BKS: 43P1-5403, số khung: 656319, số máy: 0702121.

- Trả lại Lê Trần Kha V 01 Điện thoại di dộng hiệu Iphone màu đen, gắn sim số: 0779.505.772; số tiền 60.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 43C1-601.98, số khung: RLHKF 1413DY0063357, số máy: KF14E-0053397.

Các vật chứng nêu trên hiện nay Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà cũ) đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11 tháng 4 năm 2025.

**5**. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đình Đông phải nộp lại số tiền 1.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

**6**. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đình Đ được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**7**. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Đình Đ và Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trần Kha V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THA Hình sự Công an TP. Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Diện**